

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do trước đây giữa Nguyễn Đức H1 và bà Lại Thị D1 trú cùng thôn có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng đến tháng 6 năm 2021, bà D1 muốn chấm dứt tình cảm với H1 nên bà D1 đi làm việc tại tỉnh Quảng Ninh và chặn liên lạc với H1. Đến chiều ngày 29/01/2022, H1 thấy bà D1 về quê ăn tết nên khoảng 23 giờ cùng ngày, H1 mặc 01 chiếc áo mưa màu đỏ có mũ liền thân đi bộ một mình sang nhà bà D1. Đến nơi, thấy cổng nhà bà D1 khoá, H1 trèo cổng đi vào trong sân, khi đi lại cửa chính thấy cửa không khoá, H1 đẩy cửa đi vào trong nhà, quan sát không thấy có người, H1 đi vào phòng ngủ của bà D1 ở phía bên phải cửa chính hướng từ bên ngoài vào, thấy bà D1 đang ngủ ở trên giường đầu giường có để 01 chiếc điện thoại Iphone 8 màu vàng. Quan sát thấy bà D1 đã ngủ H1 nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của bà D1. H1 lấy chiếc điện thoại lên mở khoá màn hình nhưng không mở được H1 cầm chiếc điện thoại đi vào trong nhà tìm cách mở khoá điện thoại nhiều lần nhưng không mở được. H1 cầm chiếc điện thoại vừa trộm cắp được của bà D1 đi theo lối cửa ngách gian bếp của nhà bà D1 đi ra ngoài và trèo qua cổng đi về nhà. Sau khi về đến nhà do không mở được mặt khoá điện thoại của bà D1, sợ phát hiện nên H1 tắt nguồn điện thoại, cất vào ngăn bàn uống nước tại phòng khách của gia đình rồi đi ngủ. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30/01/2022, bà D1 tỉnh dậy không thấy điện thoại nên cùng con trai là Nguyễn Minh H2 sinh năm 2003 ở cùng nhà đi tìm xung quanh không thấy. H2 kiểm tra camera của gia đình thì phát hiện vào lúc 23 giờ 39 phút ngày 29/01/2022 có một người đàn ông đi vào trong nhà. H2 nhận ra người đó là H1, lấy điện thoại gọi cho H1 và hỏi H1 có lấy điện thoại của mẹ H2 không, H1 thừa nhận có lấy và hẹn H2 07 giờ ngày 30/01/2022 chờ bà D1 lên ngã ba chợ huyện để gặp nói chuyện và trả điện thoại cho bà D1. Đến 07 giờ cùng ngày H1 đến chỗ hẹn đợi nhưng không thấy bà D1 đâu nên gọi điện thoại cho H2 thì H2 trả lời: “Mẹ cháu không đi đâu, chú cầm điện thoại về trả cho mẹ cháu nếu không cháu báo công an”. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày H1 mang điện thoại của bà D1 đến trả cho H2 rồi đi về nhà.

Ngày 14/02/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại Nguyễn Đức H1 trộm cắp. Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 20/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, dung lượng 64GB có giá mua mới trên thị trường hiện tại là 4.250.000 đồng. Chiếc điện thoại trên hiện còn 80% giá trị sử dụng, giá trị của chiếc điện thoại trên tại thời điểm định giá là 3.400.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Lời khai của người làm chứng:

Anh Nguyễn Minh H2 trình bày: Khoảng 05 giờ sáng ngày 30/01/2022, mẹ anh là bà Lại Thị D1 ngủ dậy, không thấy điện thoại hỏi anh có thấy điện thoại đâu không, anh nói không rồi cùng mẹ anh đi tìm điện thoại. Do không tìm thấy, anh kiểm tra camera an ninh của gia đình thì thấy hình ảnh lúc 23 giờ 39 phút ngày 29/01/2022, có 01 người đàn ông mặc áo mưa đi vào sân, qua hình ảnh anh nhận ra là ông Nguyễn Đức H1, ở cùng thôn, anh lấy điện thoại gọi cho ông H1, hỏi ông H1 mẹ anh mất điện thoại, ông có lấy không thì ông H1 thừa nhận có lấy điện thoại của mẹ anh và hẹn sáng mai chờ mẹ anh ra thị trấn T1, huyện T1 để trả lại rồi ông H1 tắt máy.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSTH ngày 31/5/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H1 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa đối với bà Lại Thị D1, bà D1 vắng mặt không có lý do, tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì về phần bồi thường trách nhiệm dân sự đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đức H1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như : Đơn trình báo và lời khai của người bị hại; Sơ đồ và biên bản xác định hiện trường do Công an huyện T1 lập ngày 15/02/2022; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an xã TL, huyện T1 lập ngày 07/02/2022; Bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 20/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1; Lời khai của những người làm chứng...và vật chứng thu giữ trong vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 23 giờ 00 ngày 29/01/2022, lợi

dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của bà Lại Thị D1, sinh năm 1970, trú tại thôn TT, xã TL, huyện T1, tỉnh T2, Nguyễn Đức H1 đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, dung lượng 64GB trị giá 3.400.000 đồng của bà D1 để ở đầu giường trong phòng ngủ.

Như vậy, với hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chủ sở hữu hợp pháp để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn đã được thu hồi trả lại ngay cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra bản thân bị cáo được Hội đồng nhà nước tặng thưởng H1 chương chiến sỹ vẻ vang do có thành tích phục vụ trong quân đội Nhân dân Việt Nam và Chủ tịch nước thưởng H1 chương chiến công do có thành tích Xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng quân đội củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, h, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy mặc dù năm 1988 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên thời gian phạm tội đã lâu, hiện bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó Hội đồng xét xử thấy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại là bà Lại Thị D1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, dung lượng 64GB, số IMEI: xyz và 01 áo mưa màu đỏ loại có mũ liền thân đã qua sử dụng. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã trả lại 01 chiếc điện thoại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lại Thị D1 là phù hợp.

Đối với chiếc áo mưa màu đỏ loại có mũ liền thân mà bị cáo mặc đi trộm cắp tài sản xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm s, h, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều Điều 47; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Điểm a, b khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H109 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/7/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện T1, tỉnh T2 giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện T1, tỉnh T2 trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu vàng, dung lượng 64GB, số IMEI: xyz cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lại Thị D1.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo mưa màu đỏ loại có mũ liền thân đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1).

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/07/2022; bà Lại Thị D1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2; Viện KSND tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền